TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **200**/2025/DS-ST Ngày: 07-10-2025 V*/v:"Tranh chấp chia di sản thừa kế là QSD đất"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên

Vào ngày 07 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 516/2024/TLST- DS ngày 26/11/2024 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Q hoãn phiên tòa số: 169/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu L**,** sinh năm: 1955; Số CCCD: 083155003999, ngày cấp: 21/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1995; Số CCCD: 083195000585, ngày cấp: 21/9/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre) (Có mặt);

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D**,** sinh năm 1953; Số CCCD: 083152003807, ngày cấp: 13/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Số A, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã P, huyện C, tỉnh Long An). (Có yêu cầu vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phùng Thị Đ**,** sinh năm 1956; Số CCCD: 083156007681, ngày cấp: 03/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Trú tại: ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là huyện C, tỉnh Bến Tre).

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1989; Số CCCD: 083089016616, ngày cấp: 01/11/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Trú tại liên hệ: Số I, ấp A, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Minh T1**,** sinh năm 1988; Số CMND: 321268693, ngày cấp: 15/5/2003, nơi cấp: Công an tỉnh B; Trú tại: ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là huyện C, tỉnh Bến Tre). (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1939; Số CCCD: 083139002444, ngày cấp: 09/3/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Số A, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là huyện C, tỉnh Bến Tre) (đã chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Thu T2:*

+ Bà Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1960; Số CCCD: 083160006686, ngày cấp: 09/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Số A, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Hoàng Sơn T3, sinh năm 1972; Số CCCD: 083072009238, ngày cấp: 23/7/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Trú tại: Số D, ấp L, xã G, tỉnh Vĩnh Long. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1969; Số CCCD: 080169001248, ngày cấp: 09/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Trú tại: Số C, T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh). (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1965; Số CCCD: 083165001857, ngày cấp: 19/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Trú tại: Số E P, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ bà Nguyễn Thị Thu L là ông Nguyễn Quang T4 (chết năm 2009) và bà Phùng Thị C1 (chết năm 2010). Ông T4 và bà C1 có tổng cộng 07 người con bao gồm: ông Nguyễn Quang A (chết năm 1968, không vợ con); ông Nguyễn Công Q1 (chết năm 2008; không vợ con); ông Nguyễn Thành C2 (chết 1974, không vợ con); Nguyễn Minh H1 (chết năm 2010, ông H1 có vợ là Phùng Thị Đ và con là Nguyễn Thị Minh T1); bà Nguyễn Thị Thu T2; Nguyễn Thị D; Nguyễn Thị Thu L.

Khi chết, bà C1 không để lại di chúc, ông T4 để lại di chúc ngày 02/4/2003 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long). Nội dung di chúc thể hiện:

- Bà Nguyễn Thị D được hưởng phần đất diện tích 1.630m^2 và căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa 412, 413 tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long). Phần đất này bà D đã được nhận và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong, bà L không có ý kiến tranh chấp.

- Bà Nguyễn Thị Minh T1 nhận phần đất và nhà diện tích 50m^2 thuộc thửa 365 tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long). Hiện tại bà Phùng Thị Đ đang quản lý sử dụng.

- Bà Nguyễn Thị Thu L nhận phần đất diện tích 2076,7m^2 thuộc thửa 365 tờ bản đồ số 3, (nay là thửa 276, tờ bản đồ số 6) tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long).

Bà Nguyễn Thị Minh T1 có văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế ngày 06/9/2011 có chứng thực của UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long).

Bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu:

1. Công nhận di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC.

2. Bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu nhận quản lý sử dụng phần đất cùng toàn bộ công trình, cây trồng trên đất tại các vị trí ký hiệu 276-1, 276-2, 276-3, 276-4, 276-5 và 512-1 diện tích 2062,4m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày

ngày 31/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 18, tỉnh Vĩnh Long).

3. Đối với phần đất tại vị trí ký hiệu thửa 276-6 diện tích 13,8m^2 và thửa 276-7 diện tích 4,3m^2 bà L xác định thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Tăng Thị Thanh T5, Lê Thị Kim L2 không có ý kiến yêu cầu, không tranh chấp gì.

4. Đối với căn nhà diện tích 55,4m^2, nhà tắm diện tích 4,7m^2, nhà củi diện tích 21,2m^2 tại các vị trí ký hiệu 276-2, 276-3, 276-4 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre bà L yêu cầu được nhận, đồng ý hoàn trả lại giá trị theo định giá cho bà Phùng Thị Đ theo giá định giá; đồng ý cho bà Đ được ở lại phần đất có vị trí ký hiệu 276-2, 276-3, 276-4, 276-5 cho đến khi bà Đ qua đời.

Cây trồng trên đất không tranh chấp yêu cầu gì

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đồng ý, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Về chi phí tố tụng: Tự nguyện chịu.

Theo biên bản làm việc, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D đồng ý theo nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu L; đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà D không tranh chấp, không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này. Yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà D.

Theo đơn yêu cầu độc lập, biên bản hòa giải, bản tự khai, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị Đ trình bày:

Trước năm 1993, ông Nguyễn Quang T4 có cho vợ chồng bà Phùng Thị Đ và ông Nguyễn Minh H1 02 bờ đất diện tích khoảng 02 công đất thuộc thửa số 365, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 276, tờ bản đồ số 6), tọa lạc tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi được tặng cho đất, vợ chồng bà Đ đã vào quản lý canh tác, xây dựng căn nhà cấp 4, trồng cây và ở đến ngày hôm nay. Hiện tại ông Nguyễn Minh H1 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 hiện còn bà Phùng Thị Đ và bà Nguyễn Thị Minh T1.

Bà Phùng Thị Đ không có ý kiến yêu cầu gì đối với phần đất thửa 276, tờ bản đồ số 6 nhưng bà Đ yêu cầu người nhận đất cho bà Đ được ở lại trên đất (tại vị trí có căn nhà) cho đến khi bà Đ qua đời. Bà Đ tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập về việc công nhận phần đất diện tích 2.240m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 (một phần thửa 365, tờ bản đồ số 3 cũ) tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Phùng Thị Đ.

Cây trồng trên đất không tranh chấp yêu cầu gì

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đồng ý, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, biên bản làm việc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ (hàng thừa kế thứ nhất) của bà Nguyễn Thị Thu T2 cùng trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu T2 mất năm 2025, hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thu T2 hiện chỉ có: bà Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị Trúc L1 sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1965; ông Nguyễn Hoàng Sơn T3, sinh năm 1972.

Thống nhất nội dung đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Thị Thu L, không ai có ý kiến tranh chấp yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất: Công nhận di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC; bà Nguyễn Thị Thu L được nhận phần đất tại các vị trí ký hiệu 276-1, 276-2, 276-3, 276-4, 276-5 và 512-1 diện tích 2062,4m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long).

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Phùng Thị Đ1 về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 2.240m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 (một phần thửa 365, tờ bản đồ số 3 cũ) tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Phùng Thị Đ.

- Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu L đồng ý cho một mình bà Phùng Thị Đ được tiếp tục ở trên phần đất tại các vị trí ký hiệu 276-2, 276-3, 276-4; 276-5 (trên đất có căn nhà, nhà tắm, nhà củi) thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) cho đến khi bà Phùng Thị Đ chết.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu Liên hoàn T6 lại cho bà Phùng Thị Đ giá trị căn nhà, nhà tắm, nhà củi theo định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Trúc C, bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Hoàng Sơn T3, bà Nguyễn Thị Trúc L1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Thị Minh T1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quang T4 và bà Phùng Thị C1, Công nhận di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phần đất tranh chấp diện tích 2076,7m^2 thuộc thửa 365 tờ bản đồ số 3, (nay là thửa 276, tờ bản đồ số 6) tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày ngày 31/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 18, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Toà án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Công nhận di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC; yêu cầu nhận quản lý sử dụng phần đất cùng toàn bộ công trình, cây trồng trên đất tại các vị trí ký hiệu 276-1, 276-2, 276-3, 276-4, 276-5 và 512-1 diện tích 2062,4m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày ngày 31/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 18, tỉnh Vĩnh Long).

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận thống nhất của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất vào thời điểm hiện tại của ông Nguyễn Quang T4 (chết năm 2009) và bà Phùng Thị C1 (chết năm 2010) bao gồm 07 người con: ông Nguyễn Quang A (chết năm 1968, không vợ con); ông Nguyễn Công Q1 (chết năm 2008; không vợ con); ông Nguyễn Thành C2 (chết 1974, không vợ con); Nguyễn Minh H1 (chết năm 2010, ông H1 có vợ là Phùng Thị Đ và con là Nguyễn Thị Minh T1); bà Nguyễn Thị Thu T2; Nguyễn Thị D; Nguyễn Thị Thu L; bà Nguyễn Thị Thu T2 chết có hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: bà Nguyễn Thị Thu T2 hiện chỉ có: bà Nguyễn Thị Trúc C, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị Trúc L1 sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1965; ông Nguyễn Hoàng Sơn T3, sinh năm 1972 là phù hợp quy định tại Điều 613; 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị D; hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Thu T2 bao gồm: bà Nguyễn Thị Trúc C, bà Nguyễn Thị Trúc L1, bà Nguyễn Thị Trúc M, ông Nguyễn Hoàng Sơn T3 thống nhất và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tranh chấp, không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này. Bà Phùng Thị Đ không có ý kiến yêu cầu gì đối với Tờ di chúc ngày 02/4/2003. Tờ di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC đúng theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị Minh T1 có văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế ngày 09/11/2011 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 06/9/2011. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét công nhận Tờ di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC là đúng quy định pháp luật.

[4.3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị Đ tự nguyện rút toàn bộ bộ yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 2.240m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 (một phần thửa 365, tờ bản đồ số 3 cũ) tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Phùng Thị Đ đây là sự tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và vi phạm điều cấm của pháp luật nên được ghi nhận.

[4.4] Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu L và đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị Đ tự nguyên thỏa thuận thống nhất về việc bà Nguyễn Thị Thu L nhận căn nhà diện tích 55,4m^2, nhà tắm diện tích 4,7m^2, nhà củi diện tích

21,2m^2; bà L đồng ý cho một mình bà Phùng Thị Đ được ở lại phần đất có vị trí ký hiệu 276-2, 276-3, 276-4, 276-5 cho đến khi bà Đ chết. Bà Liên hoàn T6 lại giá trị căn nhà, nhà tắm, nhà củi cho bà Phùng Thị Đ tổng số tiền là 160.696.000 đồng. Đây là sự tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và vi phạm điều cấm của pháp luật nên được ghi nhận.

[4.5] Các bên đương sự không ai có ý kiến yêu cầu tranh chấp về cây trồng trên đất, đây là sự tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và vi phạm điều cấm của pháp luật nên được ghi nhận.

[4.6] Đối với phần đất tại vị trí ký hiệu thửa 276-6 diện tích 13,8m^2 và thửa 276-7 diện tích 4,3m^2 bà Nguyễn Thị Thu L xác định thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Tăng Thị Thanh T5, bà Lê Thị Kim L2 không có ý kiến yêu cầu, không tranh chấp gì nên ghi nhận.

[4.7] Tại biên bản làm viêc ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (nay là Tòa án nhân dân khu vực – Vĩnh Long) với bà Lê Thị Kim L2 (chủ sử dụng thửa đất 512 giáp ranh với thửa đất số 276, tờ bản đồ số 6) xác định: bà L2 không tranh chấp ranh đất với bà L, ranh của hai thửa đất theo hiện trạng sử dụng thực tế là hàng rào hiện có, vị trí ký hiệu thửa 512-1 thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Nguyễn Thị Thu L. Do không có tranh chấp, bà L2 từ chối tham gia tố tụng nên ghi nhận.

[4.8] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L về việc Công nhận di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC; bà L được nhận quản lý, sử dụng phần đất cùng toàn bộ công trình, cây trồng và tài sản trên đất tại các vị trí ký hiệu 276-1, 276-2, 276-3, 276-4, 276-5 và 512-1, diện tích 2062,4m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày ngày 31/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 18, tỉnh Vĩnh Long) là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng đã thực hiện bao gồm: Thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 368.000 đồng; chi phí định giá số tiền 800.000 đồng; chi phí đo đạc, họa đồ hiện trạng sử dụng đất số tiền 9.893.600 đồng. Tổng cộng chi phí tố tụng đã thực hiện là 11.061.600 đồng do nguyên đơn đã thực hiện tạm ứng và tự nguyên chịu nên ghi nhận.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị D, bà Phùng Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí**.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 609; 612; 614; 620; 623; 624; 625; 627; 628; 630; 635; 643; 659 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 166; 167; 188; 203 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 92; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất: Công nhận di chúc ngày 02/4/2003 của ông Nguyễn Quang T4 được chứng thực tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã G, tỉnh Vĩnh Long) ngày 07/4/2003, số công chứng 04 quyển số 01 TP/CC-SCT/DCTC; bà Nguyễn Thị Thu L được nhận quản lý, sử dụng phần đất cùng toàn bộ công trình, cây trồng và tài sản trên đất tại các vị trí ký hiệu 276-1, 276-2, 276-3, 276-4, 276-5 và 512-1 diện tích 2062,4m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long).

Có họa đồ kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày ngày 31/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 18, tỉnh Vĩnh Long).

Bà Nguyễn Thị Thu L liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích và vị trí mình được nhận.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Phùng Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 2.240m^2 thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 (một phần thửa 365, tờ bản đồ số 3 cũ) tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) cho bà Phùng Thị Đ.

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu L đồng ý cho một mình bà Phùng Thị Đ được tiếp tục ở lại trên phần đất tại các vị trí ký hiệu 276-2, 276-3, 276-4; 276-5 (trên đất có căn nhà, nhà tắm, nhà củi) thuộc thửa đất 276, tờ bản đồ số 6 tại xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) cho đến khi bà Phùng Thị Đ chết. Bà Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Phùng Thị Đ số tiền 160.669.600 (Một trăm sáu mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

4. Ghi nhận các bên đương sự không ai có ý kiến yêu cầu tranh chấp về cây trồng trên đất.

5. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu L xác định các phần đất tại vị trí ký hiệu thửa 276-6 diện tích 13,8m^2 và thửa 276-7 diện tích 4,3m^2 thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Tăng Thị Thanh T5, bà Lê Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị Thu L không có ý kiến yêu cầu, không tranh chấp.

6. Ghi nhận bà Lê Thị Kim L2 (chủ sử dụng thửa đất 512 giáp ranh với thửa đất số 276, tờ bản đồ số 6) xác định: bà L2 không tranh chấp ranh đất với bà Nguyễn Thị Thu L, phần đất tại vị trí ký hiệu thửa 512-1 thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Nguyễn Thị Thu L.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

7. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu L tự nguyên chịu số tiền 11.061.600 (Mười một triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm) đồng.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị D, bà Phùng Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí

9. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- VKSND Khu vực 5-Vĩnh Long;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Minh Hiền